

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN CƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 866/QĐ-UBND

Yên Cường, ngày 08 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v công bố công khai Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
xã Yên Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN CƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, phường, các đơn vị và các doanh nghiệp trên địa bàn;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 26/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Yên Cường về việc quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách xã và phân bổ dự toán ngân sách xã Yên Cường năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Yên Cường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Yên Cường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Dự toán ngân sách xã năm 2025 của xã Yên Cường. (chi tiết theo các Biểu số 108 đến Biểu số 111 đính kèm)

Công bố công khai trên trang thông tin điện tử xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Phong



Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định; Kèm theo quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã Yên Cường)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	141.085.000	TỔNG SỐ CHI	141.085.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	695.000	I. Chi đầu tư phát triển	5.947.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	7.908.000	II. Chi thường xuyên	134.328.000
III. Thu bổ sung	132.482.000	III. Dự phòng	810.000
- Bổ sung cân đối	31.910.000		
- Bổ sung có mục tiêu	100.572.000		
IV. Thu chuyển nguồn	-		



UBND XÃ YÊN CƯỜNG

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định; Kèm theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã Yên Cường)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	340.813.000	141.085.000
I	Các khoản thu 100%	695.000	695.000
	Phí, lệ phí	130.000	130.000
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	335.000	335.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu khác	230.000	230.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	207.636.000	7.908.000
1	Thu từ các DN địa phương quản lý	163.000	
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	236.000	165.000
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	3.625.000	52.000
4	Thu từ khu vực CTN, ngoài QĐ	2.500.000	300.000
5	Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	199.000.000	5.947.000
6	Thuế thu nhập cá nhân	2.026.000	1.418.000
7	Thu tiền thuê đất	86.000	26.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
VI	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	132.482.000	132.482.000
	- Thu bổ sung cân đối	31.910.000	31.910.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	100.572.000	100.572.000



Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định; Kèm theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã Yên Cường)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	141.085.000	5.947.000	135.138.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục, đào tạo	820.400	423.400	397.000
2	Chi y tế, dân số	168.557		168.557
3	Chi văn hoá, thông tin	731.019	395.400	335.619
4	Chi phát thanh, truyền thanh	86.562		86.562
5	Chi thể dục thể thao	63.492		63.492
6	Chi bảo vệ môi trường	723.736	201.000	522.736
7	Chi các hoạt động kinh tế	5.306.879	3.336.200	1.970.679
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	26.288.201	1.591.000	24.697.201
9	Chi cho công tác xã hội	1.810.529		1.810.529
10	Chi quân sự	1.109.741		1.109.741
11	Chi an ninh	2.566.995		2.566.995
12	Chi khác	26.889		26.889
13	Dự phòng ngân sách	810.000		810.000
14	Chi bổ sung mục tiêu	100.572.000		100.572.000



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

Biểu số 111/CK TC-NSNN

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định ; Kèm theo quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã Yên Cường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng Quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 12/2024	Dự toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguyên cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		34.112,5	0,0	8.786,8	8.391,4	5.947,0	0,0	5.947,0	
I	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề		856,9	0,0	0,0	0,0	856,9	0,0	856,9	
1	Công trình: Cải tạo nâng cấp hệ thống lãnh Thoát nước, sân trước công trường THCS xã Yên Nhân	số 12/QĐ ngày 10/02/2025	856,9				856,9		856,9	
II	Lĩnh vực văn hóa		8.991,6	0,0	8.786,8	8.391,4	395,4	0,0	395,4	
1	Công trình: Xây dựng nhà văn hoá trung tâm xã Yên Nhân, huyện Ý Yên	số 2278/QĐ ngày 26/4/2022	8.991,6		8.786,8	8.391,4	395,4		395,4	
III	Lĩnh vực Quản lý		5.569,1	0,0	0,0	0,0	1.591,0	0,0	1.591,0	
1	CT: Xây dựng các phòng chức năng và phòng hội trường Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Nhân	Số 146/QĐ ngày 31/12/2024	5.569,1				1.591,0		1.591,0	

	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng Quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 12/2024	Dự toán năm 2025				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguyên cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	
BTT											
IV	Lĩnh vực kinh tế (bao gồm: Giao thông, thủy lợi, quy hoạch, thương mại - chợ, điện)		18.694,9	0,0	0,0	0,0	3.103,7	0,0	3.103,7		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên thôn từ Đê tá Dáy đến thôn Giáp Bắc đi qua Trường tiểu học đến đường WB xã Yên Nhân (Giai đoạn 3 từ thôn Giáp Bắc đi qua Trường tiểu học đến đường WB)	số 32/QĐ ngày 10/03/2025	2.530,6				486,2		486,2		
2	Sửa chữa, đại tu lò đốt rác xã Yên Lộc, huyện Ý Yên	Số 136/QĐ ngày 26/12/2024	201,0				201,0		201,0		
3	Cứng hoá mặt đường giao thông nội đồng từ nhà ông Thừ đến cầu Trắng xã Yên Lộc phục vụ sản xuất nông nghiệp HTX SXKD DV NN xã Yên Lộc, huyện Ý Yên	số 19/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	1.149				400,0		400,0		
4	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục xã Yên Lộc (Tuyến 1: Từ đường 57B đến nhà ông Hát thôn Yên Thịnh; Tuyến 2: từ đường 57B đến đê Hữu Đào)	QĐ số 07/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	9.990				1.000,0		1.000,0		
5	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Yên Cường, huyện Ý Yên (Đoạn 1: Từ đầu làng Nhân Lý đến thôn Đông Mẩu; Đoạn 2: Từ ngã tư Nguồn đến trạm bơm Vọng và từ ngã tư Nguồn đến đường kinh tế biển; Đoạn 3: từ QL.37B đến hết xóm Lê; Đoạn 4: Từ chùa Bảo Châu đến nhà ông Cường)	số 68/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	4.824				1.016,5		1.016,5		